TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/DS-ST
Ngày: 25-5-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quãng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình.

2. Ông Hồ Đắc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 471/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26A/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Ngọc T, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp A, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972;

2. Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1956;

3. Anh Nguyễn Hữu D1, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Bà T có mặt; bà N, ông H và anh D1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Ngọc T trình bày: Do chổ quen biết nhau, vào ngày 30/8/2017 bà có cho bà N mượn tổng số tiền 258.700.000 đồng, có làm giấy mượn tiền, tại giấy mượn tiền bà N có lăn tay, khi mượn tiền bà N hẹn 05 tháng trả lại bà số tiền nợ trên, khi đến hạn bà N có trả cho bà được 18.700.000 đồng, số tiền còn lại bà N không trả đến ngày 30/3/2018 bà N chốt nợ lại với bà còn nợ lại số tiền 240.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2018 bà có cho bà N mượn tiếp số tiền 313.000.000 đồng, có làm giấy mượn tiền, tại giấy mượn tiền bà N có lăn tay, khi mượn tiền bà N có hẹn 05 tháng sẽ trả lại bà số tiền nợ trên, khi đến hạn bà N không trả lại bà số tiền nợ, bà có gặp bà N đòi nhiều lần nhưng cũng không trả đến ngày 21/3/2019 bà khởi kiện bà N ra Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng yêu cầu trả lại cho bà tổng số tiền hiện còn nợ lại là 553.000.000 đồng, vào ngày 24/6/2019 Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng có làm việc với ông H và anh D1 là chồng và con bà N có thừa nhận việc bà N còn nợ bà T số tiền 553.000.000 đồng và có viết giấy thỏa thuận với bà T cam kết trong thời hạn 01 năm sẽ trả lại cho bà T số tiền nợ là 276.500.000 đồng, còn lại 276.500.000 đồng trong vòng 05 năm sẽ trả hết. Ông H và anh D1 cam kết nhưng không thực hiện theo giấy thỏa thuận vào ngày 24/6/2019 có sự chứng kiến của bà Phạm Thị N1 và bà Nguyễn Thị V. Nay bà yêu cầu ông H, anh D1 liên đới cùng bà N trả lại cho bà số tiền nợ trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hữu D1 trình bày: Bà N và anh D1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà N và anh D1 vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của bà Phạm Ngọc T.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị N, vào năm 2018 vợ ông là bà N có mượn của bà T làm 02 lần với tổng số tiền 553.000.000 đồng, 02 lần mượn tiền của bà T vợ ông đều làm giấy nợ có ký tên và lăn tay. Ngày 24/6/2019 ông cùng con ông tên Nguyễn Hữu D1 đứng ra bảo lãnh cùng với bà N trả cho bà T số tiền nợ trên. Nay bà T yêu cầu ông, anh D1 phải liên đới cùng bà N trả số tiền nợ trên ông đồng ý.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà N, ông H và anh D1 cùng liên đới trả cho bà T số tiền 553.000.000 đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Ngọc T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu H và anh Nguyễn Hữu D1. Hiện tại bà N, ông H và anh D1 hiện cư trú tại ấp Xóm Lẫm, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu H và anh Nguyễn Hữu D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu H và anh Nguyễn Hữu D1 cùng liên đới trả lại cho bà số tiền 553.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngược lại ông H thừa nhận có nợ nhưng không đến Tòa, còn Bà N và anh D1 thì vắng mặt.

Xét yêu cầu của bà T thì thấy: Chứng cứ bà T cung cấp là giấy mượn tiền ngày 30/3/2018 và 30/11/2018 có chữ ký của bà N thể hiện hai bên có giao dịch cho vay, mượn tiền của nhau và bà N đã nhận đủ số tiền vay của 02 lần là 553.000.000.000 đồng và giấy thỏa thuận trả nợ ngày 24/6/2019 có chữ ký của ông H và anh D1 thống nhất bà N có nợ số tiền trên và đồng ý cùng bà N trả số tiền nợ trên cho bà T. Quá trình giải quyết vụ án bà T cho rằng vào ngày 21/3/2019 bà có khởi kiện bà N đối với số tiền nợ trên sau đó bà rút lại đơn khởi kiện, thời điểm bà khởi kiện bà N cũng vắng mặt không có lý do nên bà có đơn yêu cầu Tòa án giám định dấu vân tay của bà N trong 02 giấy mượn tiền lập vào ngày 30/3/2018 và 30/11/2018. Theo kết luận giám định số: 201/GĐ-PC09 ngày 14/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Hai (02) dấu vân tay màu đỏ được đánh số 2 và số 4 mang tên "Nguyễn Thị N" trên 01 (một) tờ giấy kẻ ka rô, kích thước (24,2 x 17,2)cm có nội dung "Mượn tiền", đề các ngày 30/3 và 30/11 năm 2018 (ký hiệu A2) so với vân tay ngón trỏ phải của Nguyễn Thị N trên tài liệu mẫu (ký hiệu M) là của cùng một người in ra. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà N có vay của bà T số tiền 553.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu của bà T nên bà N, ông H và anh D1 phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc T đối với bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu H và anh Nguyễn Hữu D1 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu H và anh Nguyễn Hữu D1 cùng liên đới trả cho bà Phạm Ngọc T số tiền 553.000.000 đồng (năm trăm năm mươi ba triệu).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Buộc bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu H và anh Nguyễn Hữu D1 phải chịu 19.650.000 đồng (mười chín triệu sáu trăm năm mươi ngàn) án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho bà Phạm Ngọc T số tiền 13.060.000 đồng (mười ba triệu không trăm sáu mươi ngàn) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045226 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân xã và nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Quãng